

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – Nhóm 06

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

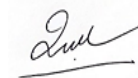
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122200154	Nguyễn Nguyên An	06/03/2004	CCQ2220E	8.3	10	9.3	
2	2122150081	Huỳnh Quốc Bảo	21/02/2004	CCQ2215C	6.7	7	6.9	
3	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C	6.3	5	5.5	
4	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C	8.2	8	8.1	
5	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C	6.2	5	5.5	
6	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C	7.5	5	6.0	
7	2122210150	Phạm Thị Thanh Diệu	06/01/2004	CCQ2221D	0.0	0	0.0	Vắng
8	2122150069	Hứa Hải Dương	27/10/2004	CCQ2215C	0.0	0	0.0	Vắng
9	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C	7.0	4	5.2	
10	2122260105	Trương Kỳ Dương	13/07/2004	CCQ2226D	8.0	10	9.2	
11	2122050115	Nguyễn Công Đạt	12/01/2004	CCQ2226C	8.7	8	8.3	
12	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C	7.7	5	6.1	
13	2122150053	Nguyễn Tiến Đạt	27/04/2004	CCQ2215C	0.0	0	0.0	Vắng
14	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B	5.7	5	5.3	
15	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C	8.3	5	6.3	
16	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C	7.8	5	6.1	
17	2122120377	Nguyễn Thị Thu Hà	18/08/2004	CCQ2212L	7.7	10	9.1	
18	2122120245	Đinh Thị Hải	06/10/2003	CCQ2212H	6.7	8	7.5	
19	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C	6.3	5	5.5	
20	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A	7.5	6	6.6	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	7.0	4	5.2	
22	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C	7.2	4	5.3	
23	2122150054	Đặng Quang	Huy	08/04/2003	CCQ2215C	6.0	8	7.2	
24	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C	6.7	4	5.1	
25	2122150045	Nguyễn Tấn	Huy	24/01/2004	CCQ2215C	6.5	4	5.0	
26	2122150075	Trần Đình	Huy	30/03/2004	CCQ2215C	0.0	0	0.0	Vắng
27	2122150074	Trần Quang	Huy	27/08/2004	CCQ2215C	5.0	5	5.0	
28	2122150098	Trần Hoàng	Hưng	10/09/2003	CCQ2215C	0.0	0	0.0	Vắng
29	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	Khanh	04/03/2002	CCQ2020H	0.0	0	0.0	Vắng
30	2122150063	Trương Gia	Kiên	22/01/2004	CCQ2215C	5.8	7	6.5	
31	2122120055	Nguyễn Tấn	Kiệt	16/01/2002	CCQ2212B	0.0	0	0.0	Vắng
32	2122150099	Phan Văn	Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C	6.5	4	5.0	
33	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C	6.8	6	6.3	
34	2122150066	Nguyễn Thành	Long	24/08/2004	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng
35	2122150100	Võ Thành	Long	21/11/2004	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng
36	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D	8.0	7	7.4	
37	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D	7.7	6	6.7	
38	2122030164	Nguyễn Thành	Luân	04/11/2004	CCQ2203E	7.0	8	7.6	
39	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D	6.5	5	5.6	
40	2122240006	Lê Diệp Quốc	Mạnh	16/10/2003	CCQ2224A	0.0	0	0.0	Vắng
41	2122150093	Nguyễn Văn	Murop	27/08/2004	CCQ2215D	6.5	6	6.2	
42	2122150079	Nguyễn Trần Hoài	Nam	22/02/2004	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng
43	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	5.5	5	5.2	
44	2122150070	Hoàng Thế	Quang	22/08/2004	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng
45	2119110089	Trần Phú	Quý	26/11/2001	CCQ1910N	5.2	5	5.1	
46	2122150091	Trần Danh	Quốc	29/11/2004	CCQ2215D	7.8	7	7.3	
47	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D	6.5	6	6.2	
48	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D	7.7	9	8.5	
49	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D	8.7	8	8.3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2122150048	Nguyễn Anh Thịnh	10/12/2004	CCQ2215D	7.3	9	8.3	
51	2122030023	Phạm Quốc Thịnh	14/07/2004	CCQ2203G	5.8	5	5.3	
52	2122150085	Võ Đức Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D	7.2	4	5.3	
53	2122150055	Huỳnh Thuận	18/09/2004	CCQ2215D	7.8	6	6.7	
54	2122150073	Vũ Trọng Thuận	28/08/2004	CCQ2215D	8.0	6	6.8	
55	2122120225	Nguyễn Thị Minh Thư	28/06/2004	CCQ2212G	8.0	8	8.0	
56	2122120409	Nguyễn Thị Bảo Thy	20/01/2004	CCQ2212L	6.5	5	5.6	
57	2122150071	Tô Minh Tiến	30/05/2003	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng
58	2122270037	Huỳnh Thị Minh Tín	24/11/2004	CCQ2227B	6.3	5	5.5	
59	2122140037	Huỳnh Trọng Tình	06/05/2004	CCQ2214B	9.2	7	7.9	
60	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên Toàn	02/09/2004	CCQ2215D	5.5	5	5.2	
61	2122030041	Phan Văn Trang	02/02/2004	CCQ2203G	5.5	7	6.4	
62	2122150084	Nguyễn Trọng Tri	21/09/2004	CCQ2215D	8.0	8	8.0	
63	2122150092	Châu Thanh Trọng	22/08/2004	CCQ2215D	7.2	4	5.3	
64	2122150051	Hồ Đức Trọng	02/07/2004	CCQ2215D	8.5	7	7.6	
65	2122170119	Nguyễn Châu Tuấn	14/05/2004	CCQ2226D	8.3	8	8.1	
66	2122140039	Nguyễn Hữu Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B	0.0	0	0.0	Vắng
67	2122260103	Lê Thị Hồng Vân	17/03/2004	CCQ2226D	6.7	8	7.5	
68	2122150056	Phan Văn Vi	06/11/2004	CCQ2215D	7.2	8	7.7	
69	2122030051	Phạm Văn Việt	21/06/2004	CCQ2203G	7.5	7	7.2	
70	2122150076	Phan Văn Ngọc Vinh	08/08/2004	CCQ2215D	0.0	0	0.0	Vắng

TPHCM , ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân